

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2023/HS-PT

Ngày: 28/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Bà Phạm Thị Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Đỗ Văn L, do có kháng cáo của ông Phạm Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2023/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo: **Đỗ Văn L**, sinh năm 1984 tại huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn LB, xã KL, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Đỗ Văn Đ1 và bà Lê Thị Đ2; vợ là Hứa Thị Đ3, bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Tại Bản án số 23/2023/HS-PT ngày 28/02/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 33 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (hành vi phạm tội xảy ra ngày 17/5/2022). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2022, đến ngày 22/8/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:*

* *Bị hại:*

- Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1997 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của chị H:

+ Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1965.

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968.

Đều có địa chỉ: Thôn QD, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Cháu Nguyễn Văn Minh Q, sinh ngày 31/10/2015 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của cháu Q:

+ Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1991.

+ Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1984.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H2: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1965.

Đều có địa chỉ: Thôn QD, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn QD, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn T1: Ông Nguyễn Hữu H6 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV B; địa chỉ: số 384/61, phố LT, phường A, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn dân sự:* Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải X.

Địa chỉ trụ sở: Số 62, tổ dân phố F, phường CB, quận HX, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Khắc M1 - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1: Ông Nguyễn Thái M2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 16/522, CH, phường DK, quận LC, Thành phố Hải Phòng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần thương mại Thép P.

Địa chỉ trụ sở: NT10.15A VH, đường G, phường V, quận LC, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M3 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M3: Ông Nguyễn Thái M2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 16/522, CH, phường DK, quận LC, Thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa, có mặt: bị cáo L, ông T1, chị H1, ông H6; vắng mặt bà T2, anh H2, ông M2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 16/8/2022, L điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 15H-003.71 kéo theo rơ móc biển số 15R-181.32 lưu thông trên đường gom AĐ theo chiều huyện C đi thành phố D. Khi đi đến khu vực cửa hàng xăng dầu 121 thuộc phường TM, thành phố D, tỉnh Hải Dương, do phía trước đường gom

ÁĐ đang thi công sửa chữa nên các phương tiện tham gia giao thông chiều huyện C đi thành phố D phải chuyển hướng rẽ phải để đi vào đường NT thuộc khu công nghiệp Đ. Thấy vậy, L điều khiển xe ô tô chuyển hướng rẽ phải vào khu vực sân bê tông trước cửa hàng xăng dầu 121 để đi vào đường NT. Tại đây đường ÁĐ rộng 7,5m được trải nhựa tương đối bằng phẳng và tiếp giáp với khu vực sân bê tông trước cửa hàng xăng dầu 121; khoảng mở vào khu vực sân bê tông rộng 23,3m. Trong quá trình điều khiển xe ô tô rẽ phải để đi chéo vào đường NT, do không chú ý quan sát, L đã để phần đầu bên trái xe ô tô do L điều khiển va chạm vào phía sau xe mô tô BKS 34P9-1676 do chị Phạm Thị Thu H điều khiển phía trước cùng chiều, phía sau xe chở cháu Nguyễn Văn Minh Q và chị Phạm Thị H1 làm xe mô tô bị đổ; chị H, cháu Q, chị H1 bị ngã ra đường và bị cuốn vào gầm xe ô tô do L điều khiển. Tại khu vực sân bê tông trước cửa hàng xăng dầu 121 để lại vùng vết trượt kích thước (2,9 x 0,13)m rõ hình, kéo theo bột đá đường, chiều từ mặt đường ÁĐ vào khu vực sân của cửa hàng xăng dầu 121; đầu vết trượt cách mép phải đường ÁĐ 2,2m; cuối vết trượt cách mép phải đường ÁĐ 3,3m; tâm trục bánh sau của xe mô tô cách mép phải đường ÁĐ 3,3m; tâm trục bánh trước của xe mô tô cách mép phải đường ÁĐ 3,7m. Hậu quả: Chị H chết tại hiện trường; cháu Q chết trên đường đi cấp cứu; chị H bị thương tích; xe mô tô bị hư hỏng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 240/GĐPY ngày 18/8/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Nguyên nhân chết của chị Phạm Thị Thu H là đa chấn thương (chấn thương sọ não hở, chấn thương ngực kín). Tổn thương trên cơ thể chị H do vật tày chèn ép gây nên là phù hợp.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 241/GĐPY ngày 18/8/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Nguyên nhân chết của cháu Nguyễn Văn Minh Q là đa chấn thương (chấn thương đầu mặt phức tạp, chấn thương ngực kín). Tổn thương trên cơ thể cháu Q do vật tày chèn ép gây nên là phù hợp.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 325/GĐPY ngày 14/10/2022, Trung tâm pháp y- Sở Y tế tỉnh Hải Dương kết luận dấu hiệu chính qua giám định đối với chị Phạm Thị H1 gồm: Chấn thương gây gãy kín mắt cá ngoài chân trái, đã bó bột xử lý; hiện vận động cổ chân trái hạn chế nhiều. Chấn thương phần mềm gây sưng nề, xây xát bàn chân phải, đã điều trị nội khoa; hiện không phát hiện dấu vết tổn thương, di chứng. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 15%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 03/10/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hải Dương kết luận: Tổng chi phí thay thế, sửa chữa một số phụ tùng, linh kiện của xe mô tô BKS 34P9-

1676, nhãn hiệu Honda, số loại Click, màu sơn hồng là 826.000đ.

Tại Kết luận giám định số 91/KL-KTHS ngày 03/10/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- Dấu vết trượt xước nhựa tại mặt trước ốp nhựa lưới tản nhiệt bên trái đầu xe ô tô có chiều từ trước về sau, từ phải qua trái, từ trên xuống dưới (*ảnh 05 trong Bản ảnh giám định*) và dấu vết trượt xước sơn, bám dính chất màu hồng (*dạng sơn*) ở mặt ngoài góc chắn đà bên trái xe ô tô có chiều từ trước về sau, từ phải qua trái, từ trên xuống dưới (*ảnh 06 trong Bản ảnh giám định*) phù hợp với dấu vết tay dắt sau xe mô tô bị gãy rời khỏi vị trí và dấu vết tại mặt ngoài ốp nhựa bảo vệ phía dưới đèn xin đường phía sau bên trái có dấu vết trượt xước lớp sơn màu hồng, vết có chiều từ sau về trước, từ dưới lên trên, từ trái qua phải (*ảnh 07, 08 trong Bản ảnh giám định*). Căn cứ vào dấu vết va chạm ở trên, tại thời điểm này xe mô tô ở tư thế đứng, chuyển động tiến là phù hợp (*ảnh 13, 14 trong Bản ảnh giám định*).

- Dấu vết trượt xước cao su, bám dính tạp chất dạng sợi nhựa tại mặt ngoài má lốp bánh trước bên trái ô tô có chiều từ mặt lặn vào vành, ngược chiều tiến (*ảnh 09, 10 trong Bản ảnh giám định*) phù hợp với dấu vết trượt xước, vỡ nhựa bám dính chất màu đen (*dạng cao su*) ở mặt ngoài ốp nhựa đuôi xe bên trái và ở mặt ngoài ốp nhựa cụm đèn xin đường bên trái có chiều từ sau về trước, từ trái sang phải (*ảnh 11, 12 trong Bản ảnh giám định*). Căn cứ dấu vết va chạm ở trên, tại thời điểm này xe mô tô đổ nằm nghiêng bên phải va chạm với xe ô tô đang chuyển động tiến là phù hợp (*ảnh 15, 16 trong Bản ảnh giám định*).

Quá trình điều tra: Bị cáo L khai nhận thực hiện hành vi như đã nêu trên. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu được bồi thường các khoản thiệt hại với tổng số tiền 900.000.000đ và yêu cầu bị cáo thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông T1, bà T2 với mức 1.500.000đ/người/tháng. Cơ quan điều tra đã trả lại Công ty X một xe ô tô đầu kéo biển số 15H-003.71 kéo theo rơ móc biển số 15R-181.32; trả lại chị H1 một xe mô tô BKS 34P9-1676.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2023/HS-ST ngày 25/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã quyết định: Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 41, Điều 48, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 586, 589, 590, 591, 601 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Về hình phạt chính: Xử phạt Đỗ Văn L 05 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 33 tháng tù tại Bản án số 23/2023/HS-PT ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/8/2022.

Về hình phạt bổ sung: Cấm Đỗ Văn L hành nghề lái xe trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Tiếp tục quản lý tại hồ sơ vụ án 01 giấy phép lái xe số 310135015218 do Sở giao thông vận tải tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/10/2020 mang tên Đỗ Văn L cho tới khi bị cáo chấp hành xong hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải X phải bồi thường cho chị Phạm Thị H1, ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn H2 tổng số tiền là 523.630.371đ gồm: Bồi thường cho chị H1 tổng các khoản thiệt hại do sức khỏe, tài sản bị xâm phạm và tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 197.833.371đ. Bồi thường cho ông T1 và bà T2 chi phí cứu chữa, mai táng chị Phạm Thị Thu H, cháu Nguyễn Văn Minh Q là 95.797.000đ. Bồi thường cho ông T1 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 90.000.000đ. Bồi thường cho bà T2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 90.000.000đ. Bồi thường cho anh H2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 50.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất chậm thi hành, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/8/2023, ông T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại. Sửa bản án sơ thẩm: Giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo, tăng mức bồi thường dân sự cho bị hại và đại diện bị hại.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 41; Điều 48; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Đỗ Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo L 05 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 33 tháng tù tại Bản án số 23/2023/HS-PT ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/8/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải X phải bồi thường cho chị Phạm Thị H1, ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị

T2, anh Nguyễn Văn H2 tổng số tiền là 552.766.325đ, gồm: Bồi thường cho chị H1 tổng các khoản thiệt hại do sức khỏe, tài sản bị xâm phạm và tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 226.969.325đ; bồi thường cho ông T1 và bà T2 chi phí cứu chữa và mai táng chị H, cháu Q là 95.797.000đ; bồi thường cho ông T1 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 90.000.000đ; bồi thường cho bà T2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 90.000.000đ; bồi thường cho anh H2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 50.000.000đ.

Về án phí: ông T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 trình bày quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu tại hồ sơ có mâu thuẫn trong việc xác định bị đơn dân sự, xác định chủ sử dụng lao động đối với bị cáo L; cơ quan điều tra chưa tiến hành các biện pháp đối chất, thực nghiệm điều tra; chưa xem xét xử lý việc bị cáo đi vào đường cấm; chưa thu thập giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô; việc trả lại phương tiện gây tai nạn của chủ sở hữu khi vấn đề bồi thường chưa được giải quyết có dấu hiệu vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc Công ty P có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bị hại.

- Ông T1 và chị H1 nhất trí quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc ông T1 và chị H1 đã có đề nghị giám định chữ ký của chị H1 tại các biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2022, ngày 20/8/2022 nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét; đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: yêu cầu tổng mức bồi thường là 900.000.000đ.

- Bị cáo L nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông T1 kháng cáo toàn bộ bản án.

[2.1] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, các kết luận giám định pháp y, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 16/8/2022, tại khu vực trước cửa hàng xăng dầu 121 thuộc phường TM, thành phố D, tỉnh Hải

Dương, Đỗ Văn L điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 15H-003.71 kéo theo rơ móc biển số 15R-181.32 chuyển hướng rẽ phải để đi chệch vào đường NT thuộc khu công nghiệp Đ. Do không chú ý quan sát dẫn đến phần đầu bên trái xe ô tô do L điều khiển va chạm vào phía sau xe mô tô BKS 34P9-1676 chở chị Phạm Thị Thu H, chị Phạm Thị H1 và cháu Nguyễn Văn Minh Q làm xe mô tô bị đổ; chị H, chị H1, cháu Q bị cuốn vào gầm xe ô tô do bị cáo điều khiển. Hậu quả: Chị H và cháu Q chết do đa chấn thương; chị H1 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%.

Căn cứ các dấu vết để lại tại hiện trường có căn cứ xác định vị trí xảy ra va chạm giữa xe ô tô do bị cáo L điều khiển và xe mô tô do chị H điều khiển nằm ở khu vực sân bê tông trước cửa hàng xăng dầu 121. Tuy nhiên, bị cáo điều khiển xe ô tô chuyển hướng rẽ phải vào khu vực sân bê tông trước cửa hàng xăng dầu 121 là để tránh đoạn đường đang thi công ở phía trước và bị cáo tiếp tục di chuyển xe để đi ra đường NT nên xe ô tô do bị cáo điều khiển thuộc trường hợp vẫn đang tham gia giao thông. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đã không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, không chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn khi chuyển hướng xe, cho xe đi vào đường gom AĐ trong khung giờ cấm là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hậu quả làm chết 02 người, 1 người bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%, thiệt hại về tài sản 826.000đ nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo L về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý đối với bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã trình bày diễn biến hành vi bị cáo thực hiện phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu; thừa nhận nguyên nhân gây ra tai nạn là lỗi của bị cáo. Sau khi xảy ra tai nạn, bị cáo đã đến cơ quan Công an để đầu thú; bố đẻ bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến. Vì vậy cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Về nhân thân: Tại Bản án số 23/2023/HS-PT ngày 28/02/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 33 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy

cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác nên cần giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo L như tại bản án sơ thẩm.

Bản án số 23/2023/HS-PT ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã có hiệu lực pháp luật nên tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt của hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nên cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt bổ sung, cấm bị cáo hành nghề lái xe trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù là phù hợp. Tiếp tục quản lý tại hồ sơ vụ án 01 giấy phép lái xe của bị cáo đến khi bị cáo chấp hành xong hình phạt bổ sung.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ kết quả điều tra thì xe ô tô đầu kéo biển số 15H-003.71 thuộc sở hữu của Công ty cổ phần thương mại Thép P và được giao cho Công ty X chiếm hữu, sử dụng theo Hợp đồng cho thuê xe số 01T08.22/HĐ/HC-189 ngày 29/7/2022 (*thời hạn hợp đồng từ 01/8/2022 đến 31/7/2025*); rơ móoc biển số 15R-181.32 thuộc quyền sở hữu của Công ty X. Nội dung trình bày của bị cáo L, người đại diện của Công ty X tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với tài liệu là Hợp đồng lao động số 07/HĐLĐ/2022 ngày 01/8/2022 ký giữa bị cáo L với Công ty X nên có căn cứ xác định Đỗ Văn L là lái xe của Công ty X. Lỗi gây tai nạn giao thông do bị cáo L gây ra. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 601 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Công ty X được giao chiếm hữu, sử dụng xe ô tô đầu kéo là nguồn nguy hiểm cao độ nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn dân sự là Công ty X phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh từ vụ tai nạn; Công ty P được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do vậy, không chấp nhận đề nghị của ông T1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1 đề nghị xác định Công ty P có trách nhiệm bồi thường.

Chị H1, ông T1, bà T2 yêu cầu được bồi thường các khoản thiệt hại với tổng số tiền là 900.000.000đ gồm: Chi phí mai táng cho chị H, cháu Q = 160.774.500đ; chí phí điều trị của chị H1 = 99.110.024đ; công người chăm sóc chị H1 = 18.000.000đ; chi phí sửa xe mô tô = 3.000.000đ; bồi thường tổn thất tinh thần do chị H chết = 270.000.000đ; bồi thường tổn thất tinh thần do cháu Q chết = 230.000.000đ; bồi thường tổn thất tinh thần do chị H1 bị thương tích = 119.115.476đ. Tại cấp phúc thẩm, chị H1 xuất trình thêm khoản chi phí thuê xe, khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Việt Đức các ngày 05/11/2022, 11/02/2023, tổng là 6.400.000đ. Căn cứ bảng kê chi phí, các tài liệu chứng minh thiệt hại đã thu thập tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.5] *Về thiệt hại do tính mạng của chị H, cháu Q bị xâm phạm:*

[2.5.1] *Về chi phí cứu chữa và mai táng:* Chi phí cấp cứu cháu Q tại Bệnh viện đa khoa (viết tắt: BVĐK) tỉnh Hải Dương = 71.500đ; tổng chi phí vận chuyển thi thể từ nơi bị tai nạn đến BVĐK tỉnh Hải Dương và từ BVĐK tỉnh Hải Dương về nhà = 2.100.000đ; áo quan, đồ niệm, trang trí bàn thờ = 53.875.000đ; tắm rửa tử thi = 3.800.000đ; đồ cúng (hương, hoa, nến ...) = 3.290.500đ; áo lục thủ, hoa đại ban = 400.000đ; ảnh thờ = 800.000đ; bia cấm = 1.260.000đ; cát xây = 1.000.000đ; đào huyệt, đánh trống, kéo xe tang = 8.500.000đ; đội kèn = 9.000.000đ; chi phí thuê bàn ghế, rạp = 11.700.000đ. Tổng = 95.797.000đ. Xét thấy đây là các khoản chi phí thực tế và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 591 Bộ luật dân sự; khoản 1, 2 Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do vậy cấp sơ thẩm chấp nhận các khoản trên là phù hợp. Ngoài ra, đại diện gia đình bị hại còn yêu cầu bồi thường các khoản đồ lễ phục vụ việc mai táng theo Phiếu thanh toán ngày 16/8/2022 là 3.300.000đ, xét thấy là khoản chi phí thực tế, phù hợp quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Gia đình bị hại yêu cầu được bồi thường các khoản gồm tiền ga phục vụ nấu nước uống = 700.000đ; tiền thuê nấu cỗ = 15.800.000đ; thuê bác sỹ chăm sóc người nhà = 6.350.000đ; chi cho nhà chùa cúng 49 ngày = 12.634.000đ; tổn thất thu nhập của ông T1, bà T2 = 24.000.000đ là các khoản chi phí không phù hợp quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Ông T1, bà T2 là người trực tiếp chi trả chi phí cứu chữa và lo mai táng cho chị H, cháu Q nên cần buộc Công ty X phải bồi thường cho ông T1, bà T2 số tiền 99.097.000đ.

[2.5.2] *Về bù đắp tổn thất về tinh thần:* Vụ tai nạn tước đi tính mạng của hai người có quan hệ ruột thịt với nhau (chị H là dì ruột của cháu Q) gây nên tổn thất, mất mát lớn cho gia đình bị hại. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc bị đơn dân sự là Công ty X phải bồi thường cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị H là ông T1, bà T2 (bố mẹ đẻ của chị H); những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cháu Q là chị H1, anh H2 (bố mẹ đẻ của cháu Q) khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần với mức cao nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 591 Bộ luật dân sự là 100 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là phù hợp. Cụ thể: Số tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho ông T1, bà T2 = 1.800.000đ/tháng x 100 lần = 180.000.000đ; ông T1, bà T2 mỗi người được bồi thường 90.000.000đ. Số tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho chị H1, anh H2 = 1.800.000đ/tháng x 100 lần = 180.000.000đ; do chị H1 và anh H2 đã ly hôn, cháu Q được giao cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng nên chị H1 được bồi thường 130.000.000đ, anh H2 được bồi thường 50.000.000đ.

Tổng thiệt hại do tính mạng của chị H, cháu Q bị xâm phạm là

459.097.000đ.

[2.6] *Về thiệt hại do sức khỏe của chị H1 bị xâm phạm:*

[2.6.1] *Chi phí khám bệnh, chữa bệnh:* Sau khi bị tai nạn, chị H1 được đưa đi cấp cứu và điều trị tại các bệnh viện. Cấp sơ thẩm xác định các khoản chi phí khám bệnh, chữa bệnh phù hợp quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và được chấp nhận gồm: Chi phí cấp cứu tại BVĐK tỉnh Hải Dương ngày 16/8/2022 = 236.129đ. Chi phí cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Việt Đức ngày 17/8/2022 gồm các khoản: chụp XQ = 2.457.000đ; nắn, bó bột = 3.216.800đ; thuốc = 2.494.100đ; khám, chữa bệnh = 2.465.100đ. Chi phí điều trị tại BVĐK tỉnh Hải Dương từ ngày 17/8/2022 đến ngày 22/8/2022 = 755.542đ. Chi phí tại Bệnh viện Việt Đức ngày 27/8/2022 theo lịch hẹn khám lại gồm các khoản: khám chữa bệnh = 3.060.000đ; chụp XQ = 500.000đ; tháo bột = 800.000đ; nắn, bó bột gãy xương gót = 1.930.000đ; thuốc = 410.700đ. Chi phí tại Bệnh viện Việt Đức ngày 24/9/2022 gồm: khám chữa bệnh = 1.000.000đ; chụp XQ = 700.000đ; tháo bột = 1.000.000đ; thuốc = 945.000đ. Chi phí chiếu chụp ngày 07/10/2022 = 320.000đ. Tổng = 22.290.371đ là có căn cứ. Đối với chi phí tiền phòng yêu cầu cũng là chi phí hợp lý trong tình trạng chị H1 điều trị khi bó bột cả hai chân, tinh thần chưa ổn định nên chấp nhận khoản chi phí này là 2.700.000đ. Từ ngày 23/8/2022 đến ngày 31/8/2022, chị H1 điều trị tại Trung tâm Y tế huyện C về bệnh chóng mặt nguồn gốc trung ương, xét thấy sau khi tai nạn xảy ra, tuy được điều trị thương tích nhưng chị H1 bị ảnh hưởng về tinh thần do hậu quả của vụ tai nạn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H1 về việc được bồi thường khoản chi phí điều trị tại Trung tâm Y tế huyện C là 286.954đ. Chị H1 đã thuê y sĩ phục hồi chức năng tại nhà, xét đây là chi phí phục hồi sức khỏe nên chấp nhận khoản này là 4.200.000đ.

Tại cấp phúc thẩm, chị H1 xuất trình thêm khoản chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Việt Đức các ngày 05/11/2022, 11/02/2023, tổng là 2.400.000đ được chấp nhận.

Chị H1 yêu cầu được bồi thường các khoản: Tiền quà cho bác sỹ = 2.000.000đ; mua đồ dùng cá nhân = 730.000đ + 5.790.000đ = 6.520.000đ; chi phí thuê người trông nom, chăm sóc từ ngày 24/9/2022 đến ngày 15/11/2022. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là các khoản chi phí không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận. Đối với khoản tiền 1.000.000đ theo phiếu thu có số biên lai 0459742 ngày 17/8/2022 của Bệnh viện Việt Đức là khoản tạm ứng viện phí được đối trừ vào số tiền viện phí phải trả khi kết thúc quá trình khám, điều trị và đã được chấp nhận ở phần trên.

Tổng chi phí khám bệnh, chữa bệnh được chấp nhận là 31.877.325đ.

[2.6.2] *Chi phí thuê phương tiện:* Căn cứ thời gian, địa điểm khám bệnh, chữa bệnh và giá dịch vụ vận chuyển do Công ty cổ phần vận chuyển quốc gia

Việt Nam cung cấp tại các hóa đơn, cấp sơ thẩm chấp nhận các khoản chi phí thuê phương tiện đưa chị H1 đi khám bệnh, chữa bệnh gồm: Tiền xe từ nơi bị tai nạn đến BVĐK Hải Dương ngày 16/8/2022 = 500.000đ; tiền xe từ BVĐK Hải Dương đến Bệnh viện Việt Đức và ngược lại vào ngày 17/8/2022 = 3.000.000đ; tiền xe ra viện ngày 22/8/2022 = 500.000đ; tiền xe từ nhà chị H1 đi Bệnh viện Việt Đức và ngược lại vào ngày 27/8/2022 = 2.200.000đ; tiền xe từ nhà chị H1 đi Bệnh viện Việt Đức và ngược lại vào ngày 24/9/2022 = 2.200.000đ; tiền xe ngày 07/10/2022 = 700.000đ. Tổng = 9.100.000đ là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, chị H1 xuất trình thêm tài liệu thể hiện thuê xe đi khám chữa bệnh tại Bệnh viện Việt Đức các ngày 05/11/2022, 11/02/2023, tổng là 4.000.000đ được chấp nhận.

Tổng chi phí thuê phương tiện được chấp nhận là 13.100.000đ.

[2.6.3] *Chi phí bồi dưỡng sức khỏe*: Cấp sơ thẩm chấp nhận tính thời gian chị H1 điều trị tại Bệnh viện Việt Đức là 01 ngày, tại BVĐK Hải Dương là 06 ngày và có 02 ngày thực hiện tái khám theo lịch hẹn tại Bệnh viện Việt Đức. Cấp phúc thẩm chấp nhận thêm 09 ngày điều trị tại Trung tâm y tế huyện C. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho chị H1 được xác định = $(4.680.000đ : 26 \text{ ngày}) \times 03 \text{ ngày} + (4.160.000đ : 26 \text{ ngày}) \times 06 \text{ ngày} + (3.460.000đ : 26 \text{ ngày}) \times 09 \text{ ngày} = 2.760.000đ$.

[2.6.4] *Thu nhập thực tế bị mất của chị H1*: Tài liệu điều tra xác định chị H1 công tác tại Trường mầm non T, huyện C, tỉnh Hải Dương và sau khi xảy ra tai nạn, chị H1 vẫn được chi trả lương hàng tháng. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị H1 về bồi thường tổn thất thu nhập trong thời gian điều trị thương tích với số tiền 12.000.000đ là phù hợp.

[2.6.5] *Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc chị H1*: Chị H1 bắt đầu điều trị từ ngày 16/8/2022 đến ngày 24/9/2022 được tháo bột hoàn toàn, trong những ngày này chị bị bó bột bàn chân nên vẫn không thể tự chăm lo, sinh hoạt hàng ngày được và thực tế vẫn có người chăm sóc chị H1 trong khoảng thời gian này. Cấp sơ thẩm chỉ xác định người chăm sóc chị H1 đến ngày 13/9/2022 là chưa hợp lý, cần tính cho chị người chăm sóc đến 24/9/2022. Từ trình bày của chị H1 và những người trực tiếp chăm sóc cho chị H1, đối chiếu với tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện bà Vương Thị H4 là người chăm sóc cho chị H1 từ ngày 16/8/2022 đến ngày 17/8/2022; bà Nguyễn Thị H3, chị Trần Thị H5 là những người trực tiếp chăm sóc cho chị H1 trong thời gian từ ngày 17/8/2022 đến ngày 13/9/2022 (*trong đó bà H3 chăm sóc ban ngày, chị H5*

chăm sóc ban đêm). Từ ngày 14/9/2022 đến ngày 24/9/2022, chị Trần Thị H5 là người trực tiếp chăm sóc cho chị H1. Như vậy số ngày bị mất thu nhập được chấp nhận của bà H4 = 01 ngày, của chị H5 = 39 ngày, của bà H3 = 28 ngày; tổng = 68 ngày. Bà H4, chị H5, bà H3 đều là lao động tự do. Theo phản ánh của UBND xã T, thu nhập bình quân của người lao động tự do tại địa phương là 6.000.000đ/tháng. Vì vậy HĐXX chấp nhận thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc cho chị H1 = $(6.000.000\text{đ/tháng} : 26 \text{ ngày}) \times 68 \text{ ngày} = 15.692.000\text{đ}$ (làm tròn). Chi phí tiền xe đi lại của người chăm sóc cho chị H1 là 3.540.000đ gồm: Tiền taxi từ nơi bị tai nạn đến BVĐK tỉnh Hải Dương = 300.000đ; tiền thuê xe ôm đi về của bà H3, chị H5 từ ngày 17/8/2022 đến ngày 22/8/2022 = $100.000\text{đ/ngày/người} \times 06 \text{ ngày} \times 02 \text{ người} = 1.200.000\text{đ}$; tiền thuê xe ôm đi về của bà H3, chị H5 từ ngày 23/8/2022 đến ngày 31/8/2023 = $60.000\text{đ/ngày} \times 09 \text{ ngày} \times 02 \text{ người} = 1.080.000\text{đ}$; tiền thuê xe ôm đi về của bà H3, chị H5 từ ngày 06/9/2022 đến ngày 13/9/2023 = $60.000\text{đ/ngày} \times 08 \text{ ngày} \times 02 \text{ người} = 960.000\text{đ}$. Tổng chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc cho chị H1 = $15.692.000\text{đ} + 3.540.000\text{đ} = 19.232.000\text{đ}$.

[2.6.6] Về bù đắp tổn thất về tinh thần: Chị H1 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15% nên cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự, buộc Công ty X phải bồi thường cho chị H1 khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần tương đương 15 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử = $1.800.000\text{đ/tháng} \times 15 \text{ lần} = 27.000.000\text{đ}$ là phù hợp

Tổng thiệt hại do sức khỏe của chị H1 bị xâm phạm là 93.969.325đ.

[2.7] Thiệt hại về tài sản: Vụ tai nạn đã gây hư hỏng cho xe mô tô BKS 34P9-1676 của chị H1. Chị H1 yêu cầu bồi thường chi phí sửa chữa xe là 3.000.000đ. Kết luận của Hội đồng định giá xác định thiệt hại của xe mô tô BKS 34P9-1676 là 826.000đ là căn cứ để xác định trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, khi xác định trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại phải xác định chi phí hợp lý để sửa chữa, khôi phục lại tình trạng của chiếc xe trước khi bị hư hỏng là 3.000.000đ. Do vậy, cần buộc Công ty X bồi thường cho chị H1 3.000.000đ.

[2.8] Tổng số tiền Công ty X phải bồi thường cho chị H1, anh H2, ông T1, bà T2 là 556.066.325đ, được trừ vào số tiền bồi thường ông Nguyễn Thái M2 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương là 150.000.000đ; trong đó Hội đồng xét xử tính bồi thường cho chị H1 là 61.200.000đ, bồi thường cho ông T1 và bà T2 chi phí cứu chữa, mai táng là 26.700.000đ, bồi thường cho ông T1 và bà T2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần mỗi người là 24.300.000đ, bồi thường cho anh H2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 13.500.000đ.

Công ty X còn phải bồi thường tổng số tiền là 406.066.325đ gồm: bồi thường cho chị H1 các khoản thiệt hại do sức khỏe, tài sản bị xâm phạm và tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 165.769.325đ, bồi thường cho ông T1 và bà T2 chi

phí cứu chữa, mai táng là 72.397.000đ, bồi thường cho ông T1 và bà T2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần mỗi người là 65.700.000đ, bồi thường cho anh H2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 36.500.000đ.

[2.9] *Về yêu cầu được cấp dưỡng của ông T1, bà T2:* Ông Phạm Văn T1 - sinh ngày 07/5/1965, bà Nguyễn Thị T2 - sinh ngày 12/10/1968 và đều là lao động tự do. Trước khi xảy ra tai nạn, ông T1, bà T2 đều đủ điều kiện về sức khỏe để tham gia lao động nên chưa có ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng với ông, bà. Tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật lao động quy định: “*Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ*”. Thời điểm xảy ra tai nạn (ngày 16/8/2022), ông T1 được 57 năm 03 tháng 09 ngày tuổi, bà T2 được 53 năm 10 tháng 03 ngày tuổi nên chưa hết tuổi lao động theo quy định nói trên. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T1, bà T2 được cấp dưỡng với mức 1.500.000đ/người/tháng từ khi xảy ra tai nạn cho tới khi ông, bà chết là phù hợp.

[2.10] Công ty P và Công ty X không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại đối với ô tô đầu kéo biển số 15H-003.71, rơ móc biển số 15R-181.32 nên HĐXX không xem xét.

[3] *Về vật chứng:* Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý nên cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô đầu kéo biển số 15H-003.71 và rơ móc biển số 15R-181.32 cho Công ty X; trả lại xe mô tô BKS 34P9-1676 cho chị H1 là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] *Về án phí:* Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Công ty X phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] *Về tố tụng và các vấn đề khác:*

[7.1] Chị H1 cho rằng chữ ký tại các biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2022, ngày 20/8/2022 không phải là chữ ký của chị và không đúng nội dung chị trình bày nhưng chính ông T1, chị H1 đều xác định chị H1 có làm việc với cơ quan điều tra vào ngày 16/8/2022, ngày 20/8/2022 và tại phiên tòa, chị H1 được trực tiếp trình bày các nội dung có liên quan đến vụ án nên yêu cầu giám định chữ ký của chị H1 tại các tài liệu nêu trên là không cần thiết.

[7.2] Công ty P được Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô đối với xe ô tô đầu kéo biển số 15H-003.71 với thời hạn bảo hiểm từ ngày 20/5/2022 đến ngày 20/5/2023. Cơ quan điều tra trả lại giấy tờ trên cho Công ty P nhưng không phô tô để lưu lại hồ sơ vụ án là thiếu sót nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập bổ

sung tài liệu này.

[7.3] Lời khai của bị cáo L và lời khai của ông M2 tại giai đoạn điều tra có mâu thuẫn trong việc xác định bị cáo là lái xe của Công ty P hay Công ty X nhưng nội dung này đã được làm rõ tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm. Tại hồ sơ vụ án không thể hiện thông tin lý lịch của những người trực tiếp chứng kiến vụ tai nạn và những người đưa chị H1, cháu Q đi cấp cứu. Mặt khác việc không lấy lời khai của những người này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bị hại. Việc bị cáo điều khiển xe ô tô đi vào đường gom AĐ trong khung giờ cấm là một trong những nguyên nhân gây ra tai nạn và bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Căn cứ kết luận giám định có cơ sở xác định xe ô tô do bị cáo điều khiển va chạm vào xe mô tô do chị H điều khiển khi cả hai xe đều đang chuyển động tiến. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận đề nghị trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung của ông T1 và người bảo vệ quyền lợi cho gia đình bị hại là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Văn T1; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2023/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương về phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 41, Điều 48, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 586, 589, 590, 591, 601, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Về hình phạt chính: Xử phạt Đỗ Văn L 05 (năm) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 33 tháng tù tại Bản án số 23/2023/HS-PT ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/8/2022.

Về hình phạt bổ sung: Cấm Đỗ Văn L hành nghề lái xe trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Tiếp tục quản lý tại hồ sơ vụ án 01 giấy phép lái xe số 310135015218 do Sở giao thông vận tải tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/10/2020 mang tên Đỗ Văn L cho tới khi bị cáo chấp hành xong hình phạt bổ sung.

2.2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải X phải bồi thường cho chị Phạm Thị H1, ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn H2 tổng số tiền là 556.066.325đ, gồm:

- Bồi thường cho chị Phạm Thị H1 tổng các khoản thiệt hại do sức khỏe, tài sản bị xâm phạm và tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 226.969.325đ.

- Bồi thường cho ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 chi phí cứu chữa, mai táng chị Phạm Thị Thu H, cháu Nguyễn Văn Minh Q là 99.097.000đ.

- Bồi thường cho ông Phạm Văn T1 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 90.000.000đ.

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 90.000.000đ.

- Bồi thường cho anh Nguyễn Văn H2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 50.000.000đ.

Ông Nguyễn Thái M2 đã nộp số tiền bồi thường là 150.000.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0002112 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải X còn phải bồi thường tổng số tiền là 406.066.325đ gồm: bồi thường cho chị H1 các khoản thiệt hại do sức khỏe, tài sản bị xâm phạm và tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 165.769.325đ, bồi thường cho ông T1 và bà T2 chi phí cứu chữa, mai táng là 72.397.000đ, bồi thường cho ông T1 và bà T2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần mỗi người là 65.700.000đ, bồi thường cho anh H2 tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 36.500.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc bị cáo Đỗ Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Buộc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải X phải chịu 26.242.653đ án phí

dân sự sơ thẩm. Ông T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 28/9/2023.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Hải Dương;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT, HSNV, THAHS-Công an thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Bị đơn dân sự; người có QLNVLQ;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh